

Bản án số: 97/2024/DS-PT
Ngày 23 - 07 - 2024
*“Về việc tranh chấp
thực hiện nghĩa vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và ông Nguyễn Huy Cẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 “Về việc tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền”. Do Quyết định giám đốc thẩm số 79/2023/DS-GĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định huỷ Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2022/DS-PT ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đại Văn M, sinh năm 1965 và bà Dương Thị H, sinh năm 1971, (Có mặt).

Đều có địa chỉ: Khu 3 Đ1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vinh Phúc.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Kiên C, sinh năm 1966 và bà Ngô Thị H1, sinh năm 1968.

Đều có địa chỉ: Khu 3 Đ2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vinh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Kiên C và bà Ngô Thị H1: Bà Lê Thị Thu Hiền, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường C1, phường B1, thành phố V1, tỉnh Vinh Phúc (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 26/3/2018), (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1972 và bà Phùng Thị H2, sinh năm 1976

Đều có địa chỉ: Thôn Đ2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn T và bà Phùng Thị H2: Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố L1, thị trấn T1, huyện V2, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Đại Văn M và bà Dương Thị H trình bày:

Vợ chồng ông bà và vợ chồng ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1 cùng làm nghề buôn bán thịt lợn với nhau từ trước năm 2012. Hàng ngày, ông, bà là người trực tiếp mổ lợn để bán, còn ông C, bà H1 là người mua hàng của ông bà để mang đi Hà Nội bán lẻ. Những năm đầu, vợ chồng ông C, bà H1 thanh toán tiền hàng cho ông bà đầy đủ. Từ khoảng năm 2012 đến năm 2017, thỉnh thoảng ông bà cho ông C, bà H1 nợ lại tiền hàng thì ông bà đều yêu cầu bà H1 tự tay viết số tiền hàng mua và số tiền nợ, thời gian nợ vào cuốn sổ ghi nợ bán hàng hàng ngày của ông bà hoặc ghi vào mảnh giấy trắng để lại cho ông bà cất giữ. Do số tiền nợ ngày càng nhiều nên ngày 20/10/2014, ông bà thống nhất với ông C, bà H1 chốt nợ tiền hàng bằng “giấy biên nhận vay tiền” với số tiền 600.000.000đ. Sau khi thống nhất chốt nợ bằng “giấy biên nhận vay tiền” thì toàn bộ sổ sách và giấy ghi nợ, ông bà với ông C, bà H1 thống nhất gạch bỏ. Sau ngày chốt nợ, ông bà vẫn bán chịu tiền hàng cho ông C, bà H1, thỉnh thoảng ông bà có hỏi về số tiền nợ mua hàng cũ thì ông C, bà H1 nói với ông bà là cho nợ để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền Ngân hàng rồi trả. Do tin tưởng nên ông bà vẫn tiếp tục cho ông C, bà H1 nợ lại, đồng thời vẫn tiếp tục bán chịu tiền hàng cho ông C, bà H1. Đến ngày 07/11/2016 (âm lịch), ông bà lại thống nhất với ông C, bà H1 chốt nợ tiền hàng lần 2 bằng “giấy biên nhận vay tiền” đối với số tiền mua hàng còn nợ là 574.239.000đ. Đến ngày 06/12/2017 (âm lịch), ông bà với ông C, bà H1 thống nhất lại tiếp tục chốt nợ lần 3 bằng “giấy biên nhận vay tiền” đối với số tiền 350.000.000đ. Do ông C, bà H1 không muốn trả nợ tiền mua hàng cho ông bà nên sau khi thống nhất chốt nợ xong thì chỉ có bà H1 ký vào giấy biên nhận vay tiền, còn ông C không ký. Đến ngày 05/02/2018, ông bà và ông C, bà H1 thống nhất chốt toàn bộ số nợ của 03 lần chốt nợ bằng “giấy biên nhận vay tiền” mà hai bên đã chốt từ năm 2014 cho đến ngày 06/12/2017 (âm lịch) thành “Biên bản chốt nợ mua hàng thịt” với nội dung: Tính đến ngày 20/12/2017 (âm lịch), chốt các khoản nợ còn lại là 1.524.000.000đ. Lần chốt nợ này cả ông C, bà H1 đều ký vào giấy chốt nợ nhưng ông C cố ý không ký rõ họ tên mà chỉ ký chữ C .

Nay, ông bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông C, bà H1 phải trả cho ông bà số tiền 1.524.000.000đ nêu trên.

Ngày 30/3/2018, tại Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc, ông C, bà H1 đã chuyển nhượng tài sản duy nhất là thửa đất số 1052, tờ bản đồ số 61, diện tích 67,4m² có địa chỉ tại thôn Đ2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (viết tắt là thửa đất số 1052) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà H1 ngày 01/6/2017 cho vợ chồng ông Ngô Văn T, bà Phùng Thị H2. Ông bà thấy mục đích của việc chuyển nhượng nhằm tẩu tán tài sản nên ngày 02/5/2018, ông bà đã làm đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với thửa đất số 1052 và được Tòa án chấp nhận. Đồng thời đề nghị Tòa án đưa ông T, bà H2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông C, bà H1 với vợ chồng ông T, bà H2 vô hiệu. Quá trình giải quyết vụ án, ông bà thay đổi yêu cầu, không đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông C bà H1 với vợ chồng ông T, bà H2 vô hiệu mà chỉ đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT đối với thửa đất số 1052.

Ngoài ra, ông bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông C, bà H1 phải trả cho ông bà số tiền hàng còn nợ theo 02 “giấy biên nhận vay tiền” ngày 20/10/2014 và ngày 07/11/2016 (âm lịch) với số tiền 1.174.239.000đ và theo “giấy biên nhận vay tiền” ngày 06/12/2017 (âm lịch) với số tiền 350.000.000đ.

Ông bà tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định đối với chữ ký của ông C trong các giấy biên nhận vay tiền do ông C, bà H1 ký nhận trong các lần yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định.

Tại các bản tự khai của bị đơn là bà Ngô Thị H1 có nội dung: Thừa nhận có mua thịt lợn của vợ chồng ông M , bà H2 để đi bán lẻ ở Hà Nội. Quá trình mua bán và thanh toán là hôm nay mua thịt thì ngày mai trả tiền, thỉnh thoảng bà mới nợ lại tiền hàng của ông M , bà H2 và chỉ nợ khoảng vài trăm nghìn đồng. Bà thừa nhận 03 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 20/10/2014, ngày 07/11/2016 (âm lịch) và ngày 06/12/2017 (âm lịch) là do bà viết và ký nhận nợ với ông M , bà H2. Tuy nhiên, bà viết và ký vào các giấy vay tiền trên, một phần là do bị ông M , bà H2 ép buộc, một phần là do trình độ học vấn của bà thấp (chỉ học hết lớp 3), lại quá tin tưởng ông M , bà H2 là chỗ làm ăn quen biết nhiều năm nên bà đã viết và ký vào giấy vay tiền theo yêu cầu của bà H2 mà

không hiểu hết giá trị số tiền ghi trên đó. Sau những lần viết giấy vay tiền với bà H2, bà vẫn mua hàng của ông M, bà H2 bình thường, chưa thấy ông M, bà H2 đòi tiền bà bao giờ cho đến khi nhận được thông báo của Tòa án về việc ông M, bà H2 khởi kiện đòi tiền bà. Bà thừa nhận có nợ tiền hàng của ông M, bà H2 nhưng số nợ chỉ khoảng 50.000.000đ đến 60.000.000đ chứ không phải số tiền 1.524.000.000đ. Ngoài ra, việc mua bán giữa bà với ông M, bà H2 không liên quan đến ông C (chồng của bà). Bà xác định bà và ông C không có quan hệ vay mượn hay nợ nần gì đối với ông M, bà H2. Bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông M, bà H2, chỉ đồng ý trả ông M, bà H2 số tiền hàng còn nợ từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ.

Ngày 29/3/2018, ông Ngô Văn T cùng vợ chồng ông bà đến Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam để ông T trả thay cho ông bà số tiền hơn 500.000.000đ vay của Ngân hàng. Sau khi trả nợ xong, ông bà rút tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng là thửa đất số 1052. Đến ngày 30/3/2018, vợ chồng bà chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà Phùng Thị H2 thửa đất số 1052 với giá 600.000.000đ, vợ chồng bà xác nhận đã nhận đủ tiền và bàn giao thửa đất số 1052 cho ông T, bà H2. Số tiền chuyển nhượng còn thừa, ông bà sử dụng để trả những khoản nợ vay từ trước nhưng không nhớ là trả cho những ai. Do thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa hoàn tất nên ông T, bà H2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn T trình bày: Vợ chồng ông nhận chuyển nhượng thửa đất số 1052 của vợ chồng ông C, bà H1 với giá 600.000.000đ. Số tiền này ông đã nộp trực tiếp vào Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam để rút tài sản thế chấp là thửa đất số 1052. Việc Tòa án ra quyết định khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với thửa đất 1052 đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, làm cho vợ chồng ông không thể hoàn tất được thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do vậy, ông đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị H2: Thống nhất với lời trình bày của ông Ngô Văn T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 20/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đại Văn M và bà Dương Thị H.

Buộc ông Phạm Kiên C và bà Ngô Thị H1 có trách nhiệm trả cho ông Đại Văn M và bà Dương Thị H số tiền 1.174.239.000đ. Buộc bà Ngô Thị H1 có trách nhiệm trả cho ông Đại Văn M và bà Dương Thị H số tiền 350.000.000đ.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 37/2020/DS-PT ngày 22/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 20/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết lại vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 15/10/2021, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đại Văn M, bà Dương Thị H đối với ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1.

Buộc ông Phạm Kiên C và bà Ngô Thị H1 phải trả cho ông Đại Văn M và bà Dương Thị H số tiền 1.174.239.000đ.

Buộc bà Ngô Thị H1 phải trả cho ông Đại Văn M và bà Dương Thị H số tiền 350.000.000đ.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 7/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 28/10/2021, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T, bà Phùng Thị H2 có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 01/2022/DS-PT ngày 07 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quyết định: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, về vụ án “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền” giữa nguyên đơn là ông Đại Văn M, bà Dương Thị H với bị đơn là ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 26/01/2022, ông Đại Văn M, bà Dương Thị H có đơn đề nghị xét lại bản án dân sự phúc thẩm số 01/2022/DS-PT ngày 07 tháng 01 năm 2022, của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 18/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 27/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm 01/2022/DS-PT ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y. Tạm đình chỉ thi hành Bản án dân sự phúc thẩm 01/2022/DS-PT ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 79/2023/DS-GĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 27/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2022/DS-PT ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về vụ án “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền” giữa nguyên đơn là ông Đại Văn M, bà Dương Thị H với bị đơn là ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn T, bà Phùng Thị H2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/7/2024, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung đề nghị Tòa án huỷ bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 30/2/2018 giữa ông T, bà H2 với ông C, bà H1 đối với thửa đất số 1052 có hiệu lực pháp luật trong vụ án này do người liên quan đã làm đơn khởi kiện ông C, bà H1 đến Tòa án huyện Y bằng vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị

Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Ông Đại Văn M, bà Dương Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1 phải trả cho ông M, bà H2 tổng số tiền hàng còn nợ là 1.524.000.000đ (theo các “giấy biên nhận vay tiền” ngày 20/10/2014, ngày 07/11/2016 và ngày 06/12/2017).

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà H1 thừa nhận có nợ tiền hàng của ông M, bà H2 nhưng bà chỉ nợ khoảng 50.000.000đ đến 60.000.000đ. Việc bà ký các “giấy biên nhận vay tiền” ngày 20/10/2014, ngày 07/11/2016 và ngày 06/12/2017 là do bà bị ép buộc nhưng bà H1 không có chứng cứ, tài liệu chứng minh. Ngoài ra, ông C, bà H1 cho rằng ông C chỉ là người chở bà H1 đi lấy hàng, ông C không liên quan đến việc buôn bán và nợ tiền ông M, bà H2. Tuy nhiên, tại các “giấy biên nhận vay tiền” ngày 20/10/2014, ngày 07/11/2016 đều có chữ ký “C” và chữ viết “Nguyễn Văn C”. Theo Kết luận giám định số 65/C09-P5 ngày 23/4/2019 của Viện Khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an xác định: Các chữ Phạm Văn C dưới chữ “Chồng” trên mẫu cần giám định (giấy biên nhận vay tiền ngày 20/10/2014, ngày 07/11/2016) so với chữ viết của ông C trên các mẫu so sánh do cùng một người viết ra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C, bà H1 có nghĩa vụ trả cho ông M, bà H2 số tiền 1.174.239.000đ và buộc bà H1 có nghĩa vụ trả cho ông M, bà H2 số tiền 350.000.000đ là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T, bà H2 đề nghị huỷ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT phong tỏa tài sản thừa đất số 1052, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 12/3/2018, ông Đại Văn M, bà Dương Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1 phải trả cho ông M, bà H2 tổng số tiền hàng còn nợ là 1.524.000.000đ.

Ngày 30/3/2018, ông C, bà H1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1052 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông C, bà H1) cho ông Ngô Văn T, bà Phùng Thị H2 (sau ngày ông M, bà H2 khởi kiện).

Ngày 02/5/2018, ông M, bà H2 có đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với ông C, bà H1.

Ngày 07/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 01/2018/QĐ-BPKCTT phong tỏa tài sản thửa đất số 1052.

Như vậy, tại thời điểm Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì ông C, bà H1 vẫn đang nợ tiền ông M, bà H2 và thửa đất 1052 là tài sản của ông C, bà H1 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng hợp pháp (chưa sang tên ông T, bà H2) nên đây là tài sản đảm bảo thi hành án trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, bà H2. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 01/2018/QĐ-BPKCTT phong tỏa tài sản thửa đất số 1052 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 111 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo đề nghị hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Đối với nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1052 giữa ông C, bà H1 với ông T, bà H2 ngày 30/3/2018 có hiệu lực, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/3/2020, phiên tòa phúc thẩm ngày 22/9/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 15/10/2021, ông T, bà H2 không có yêu cầu độc lập về việc đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1052 giữa ông C, bà H1 với ông T, bà H2 có hiệu lực pháp luật. Tại Bản tự khai bổ sung ngày 28/01/2021, Biên bản hòa giải ngày 09/3/2021, ông T, bà H2 chỉ yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Y, không yêu cầu giải quyết vấn đề liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1052. Do đó, tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 15/10/2021, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết nội dung này là đúng quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền tự định đoạt của các đương sự.

[3.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/10/2021, ông T, bà H2 kháng cáo bản án sơ thẩm, đồng thời cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm tài liệu, chứng cứ là văn bản có xác nhận của Phòng giao dịch Y - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đề ngày 04/10/2021 thể hiện ông T là người nộp số tiền 502.600.000đ tại Ngân hàng để ông C, bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông C, bà H1 đối với Ngân hàng. Mặc dù việc giải quyết nợ tiền từ việc mua, bán thịt lợn giữa ông

M, bà Dương Thị H với ông C, bà H1 và việc giải quyết chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1052 giữa ông C, bà H1 với ông T, bà Phùng Thị H2 là hai việc khác nhau. Tuy nhiên khi giải quyết việc nợ tiền thì ông M, bà H2 có đề nghị và Tòa án đã Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2018 về việc phong tỏa thửa đất số 1052 (đang là đối tượng của hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/3/2018 giữa ông C, bà H1 với ông T, bà Phùng Thị H2). Do vậy, việc xác định tính hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1052 giữa bên chuyển nhượng là ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1 với bên nhận chuyển nhượng là ông Ngô Văn T, bà Phùng Thị H2 có liên quan chặt chẽ đến Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2018 về việc phong tỏa thửa đất số 1052 đứng tên ông C, bà H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngày 23/7/2024, người đại diện theo uỷ quyền của ông T, bà H2 xin rút nội dung kháng cáo về việc đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/3/2018 có hiệu lực pháp luật; không đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết trong vụ án này do ông T, bà H2 đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Y để giải quyết. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo nêu trên của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Từ những căn cứ trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[5] Tuy nhiên, khi Quyết định về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Tòa án cấp sơ thẩm còn thiếu sót không tuyên trả lại cho nguyên đơn số tiền 400.000.000đ mà nguyên đơn đã nộp vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Vietcombank là thiếu sót nên Tòa án cấp phúc thẩm sẽ quyết định bổ sung để bảo đảm việc thi hành án, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Ngoài ra, như nhận định tại mục [3.2] nêu trên thì việc xác định tính hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1052 giữa bên chuyển nhượng là ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1 với bên nhận chuyển nhượng là ông Ngô Văn T, bà Phùng Thị H2 có liên quan chặt chẽ đến Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2018 về việc phong tỏa thửa đất số 1052 đứng tên ông C, bà H1, hiện nay ông T, bà H2 đã có đơn khởi kiện theo đến Tòa án nhân dân huyện Y theo Giấy xác nhận nhận đơn khởi kiện ngày 04/7/2018 nên cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y cho đến khi có quyết định khác của Cơ quan có thẩm quyền thay thế.

[5] Về chi phí tố tụng: Do nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ, không đề nghị xem xét nên Tòa án sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn ông C, bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Cụ thể:

Ông C, bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $36.000.000đ + 3\% \times (1.174.239.000đ - 800.000.000đ) = 47.227.000đ$ (đã được làm tròn số).

Ngoài ra, bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $350.000.000đ \times 5\% = 17.500.000đ$.

[6.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1 và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T, bà Phùng Thị H2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ các điều 280, 357 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 26, 35, 39, 126, 147 và Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đại Văn M, bà Dương Thị H đối với ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1.

Buộc ông Phạm Kiên C và bà Ngô Thị H1 phải trả cho ông Đại Văn M và bà Dương Thị H số tiền 1.174.239.000đ (Một tỷ một trăm bảy mươi tư triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng)

Buộc bà Ngô Thị H1 phải trả cho ông Đại Văn M và bà Dương Hưng số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Đại Văn M, bà Dương Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Kiên C và bà Ngô Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc cho đến khi có quyết định khác của Cơ quan có thẩm quyền thay thế.

Trả lại cho bà Dương Thị H số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) thực hiện biện pháp bảo đảm trong tài khoản phong tỏa số 0361001813001 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Vĩnh Phúc - Phòng giao dịch huyện Y.

4. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đại Văn M, bà Dương Thị H về việc chịu số tiền 7.550.000đ (Bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) và ông Phạm Kiên C, bà Ngô Thị H1 về việc chịu số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền chi phí giám định (đã chi phí xong).

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Kiên C và bà Ngô Thị H1 phải chịu 47.227.000đ (Bốn mươi bảy triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Bà Ngô Thị H1 phải chịu 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Đại Văn M, bà Dương Thị H được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.800.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002052 ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Kiên C và bà Ngô Thị H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0001065 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ông Ngô Văn T và bà Phùng Thị H2 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0001059 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Cẩn

Nguyễn Văn Nghĩa

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Ngọc

Nguyễn Vĩnh Thành

Nguyễn Duy Sơn

